

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST

Ngày: 31/8/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phạm Công Gia**.

2/ Ông **Trịnh Ngọc Thành**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Thị Ngọc Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:* Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn N** – Sinh năm 1975;

Nơi cư trú: tổ E, Khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Minh T** – sinh năm 1981 và bà **Nguyễn Thị N1** – sinh năm 1981;

Cùng cư trú: ấp D, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(ông N có mặt, ông T và bà N1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 11/5/2020 ông N có cho ông T vay số tiền 400.000.000 đồng, thời gian vay là 30 đến 60 ngày sẽ hoàn trả cho ông N tiền gốc và lãi theo mức lãi suất ngân hàng, tuy nhiên đã quá thời hạn và đòi nhiều lần nhưng ông T vẫn không hoàn trả tiền

gốc và lãi. Việc vay mượn là ông T sử dụng vào việc làm ăn và vẫn trong thời kỳ hôn nhân với vợ là bà Nguyễn Thị N1. Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi của 33 tháng là $400.000.000đ \times 0,9\% \times 33 \text{ tháng} = 118.800.000đ$; tổng cộng cả gốc và lãi 518.800.000đ (Năm trăm mười tám triệu tám trăm nghìn đồng)

Ngoài ra ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn ông Lê Minh T trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày như sau:

Ông T đồng ý hoàn trả cho nguyên đơn số tiền cả gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là 518.800.000đ (Năm trăm mười tám triệu tám trăm nghìn đồng)

Ngoài ra ông T không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho Nguyễn Thị N1, tuy nhiên bà N1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến của bà N1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ thu thập tại hồ sơ như: Đơn khởi kiện, B tự khai, giấy thỏa thuận vay tiền giữa các bên đương sự nhận thấy:

Các bên có thực hiện việc vay mượn tiền và thỏa thuận trả nợ như sau: Ông Lê Minh T có vay của ông Nguyễn Văn N số tiền 400.000.000 đồng, hạn thời gian từ 30-60 ngày trả số tiền trên theo lãi suất ngân hàng. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn như đã thỏa thuận.

Xét thấy phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, căn cứ theo quy định pháp luật việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ đã vay là 400.000.000 đồng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh là có căn cứ chấp nhận.

- Căn cứ các Điều 154, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 95, 146, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội; Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, buộc ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị N1 phải trả số tiền vay cho ông Nguyễn Văn N là: 518.800.000 đồng.

- Về án phí: đương sự phải nộp án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Do bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N cung cấp giấy vay tiền đề ngày 11/5/2020, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị N1 có nơi cư trú tại xã Đ, huyện T nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định bà ông Nguyễn Văn N là nguyên đơn; ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị N1 là bị đơn trong vụ án.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Theo giấy vay tiền đề ngày 11/5/2020, ông N khởi kiện tháng 4/2023, căn cứ vào Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án vẫn đảm bảo.

[1.6] Về yêu cầu phản tố: Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không xem xét.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

[2.1] Về tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Nguyên đơn cung cấp 01 Giấy vay tiền đề ngày 11/5/2020 có chữ ký và chữ viết của bị đơn. Các bên đương sự đều thừa nhận và thống nhất các tài liệu chứng cứ nêu trên và không thắc mắc khiếu nại gì về nguồn gốc cũng như nội dung nên những tài liệu chứng cứ được thu thập theo trình tự nêu trên là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N:

- Ông Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị N1 phải trả số tiền vay còn nợ là 518.800.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000đ và tiền lãi tính 33 tháng là $400.000.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ tháng} \times 0,9\% = 118.800.000 \text{ đồng}$). Bị đơn ông Minh T thừa nhận thiếu số tiền nêu trên và đồng ý trả cho ông N.

Căn cứ các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015 ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó buộc ông T phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông N số tiền gốc và lãi là 518.800.000 đồng.

[2.3] Về cách tính lãi suất: Ông N yêu cầu tính lãi mức 0,9%/tháng và chỉ tính tới tháng 4/2023 mà không tính tiếp tới khi xét xử (tức không tính thêm 04 tháng nữa). Cách tính lãi của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn do đó ghi nhận và căn cứ theo Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tính lãi suất ở mức 0,9% là phù hợp và được chấp nhận.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị N1: Ông T cho rằng việc vay nợ là do mình ông T thực hiện không liên quan đến bà N1, nhưng ông T thừa nhận vay số nợ này làm ăn và mục đích là để sử dụng chung vào mục đích cuộc sống gia đình. Xét thấy ông T và bà N1 vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, mục đích vay nợ là để làm ăn và lợi nhuận phục vụ cho nhu cầu cuộc sống gia đình, nên ông T và bà N1 phải có trách nhiệm chung trong việc vay nợ của ông T thực hiện.

Theo quy định tại các Điều 17, 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1, Điều 30 và vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

Như vậy, bà N1 có trách nhiệm liên đới với ông T trong việc hoàn trả cho ông N số tiền vay gốc và lãi là 518.800.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.752.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí 12.376.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001022 ngày 21/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về cơ bản phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 35, 39, 68, 147, 184, 227, 228, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 429, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015.

Các Điều 17, 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Buộc ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị N1 phải liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền vay gốc và lãi là 518.800.000đ (năm trăm mười tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị N1 phải chịu 24.752.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền

tạm ứng án phí 12.376.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001022 ngày 21/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị N1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn